

ĐỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁO CÁO

**Tình hình quản trị Tổng công ty Điện lực - TKV
(năm 2022)**

Số: **140** /BC-ĐLTKV

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2023

BÁO CÁO
Tình hình quản trị Tổng công ty Điện lực - TKV
(năm 2022)

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Tên công ty: Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP.
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 78 Tầng 2, Tòa nhà Sannam, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội
- Điện thoại: (04) 3516 1605 Fax: (04) 3516 1610
- Vốn điều lệ: 6.827.674.750.000 đồng (Sáu nghìn tám trăm hai mươi bảy tỷ, sáu trăm bảy mươi tư triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng)
- Mã chứng khoán: DTK
- Mô hình quản trị công ty: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc.
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện.

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông:

| Stt | Số Nghị quyết | Ngày | Nội dung |
|-----|------------------|-----------|--|
| 1 | 10/NQ-ĐHĐCĐ-2022 | 20/4/2022 | Thông qua các nội dung theo quy định của Luật Doanh nghiệp, trong đó bao gồm: - Thông qua Báo cáo kết quả SXKD năm 2021 và các chỉ tiêu chính của Kế hoạch SXKD, Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2022 của Tổng công ty; - Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022; - Thông qua báo cáo chi trả tiền lương, thù lao HĐQT, BKS, cán bộ quản lý Tổng công ty năm 2021 và kế hoạch chi trả năm 2022; - Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính (BCTC) năm 2022. |

II. Hội đồng quản trị (HĐQT):

1. Thông tin về thành viên HĐQT:

| Stt | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT | |
|-----|-----------------------|--------------------------------------|--|-----------------|
| | | | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
| 1 | Ông Nguyễn Trọng Hùng | Chủ tịch HĐQT | 28/4/2021 | |
| 2 | Ông Ngô Trí Thịnh | Thành viên HĐQT, TGD | 28/4/2021 | |
| 3 | Ông Nguyễn Đức Pha | Thành viên chuyên trách, Thường trực | 28/4/2021 | |
| 4 | Ông Nguyễn Trung Thực | Thành viên HĐQT, PTGD | 28/4/2021 | |
| 5 | Ông Nguyễn Đức Thảo | Thành viên HĐQT độc lập | 28/4/2021 | |

2. Các cuộc họp HĐQT:

| Stt | Thành viên HĐQT | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|-----|-----------------------|--------------------------|-------------------|---------------------------|
| 1 | Ông Nguyễn Trọng Hùng | 73 | 100% | |
| 2 | Ông Ngô Trí Thịnh | 73 | 100% | |
| 3 | Ông Nguyễn Đức Pha | 70 | 97,22% | Vắng mặt, đã báo cáo HĐQT |
| 4 | Ông Nguyễn Trung Thực | 73 | 100% | |
| 5 | Ông Nguyễn Đức Thảo | 69 | 94,52% | Vắng mặt, đã báo cáo HĐQT |

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc:

- Hoạt động SXKD và các công việc của Tổng công ty chịu sự giám sát, chỉ đạo thực hiện của HĐQT. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Tổng công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

- HĐQT giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong việc thực hiện các Nghị quyết/ Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty.

- HĐQT có các quyền và nghĩa vụ được luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Tổng công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT:

- Văn phòng và các phòng chuyên môn, nghiệp vụ của Tổng công ty có chức năng tham mưu, giúp việc cho HĐQT, Tổng giám đốc Tổng công ty trong công tác quản lý, điều hành và hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

- Thư ký HĐQT do HĐQT Tổng công ty bổ nhiệm, thực hiện vai trò và nhiệm vụ: i) Chuẩn bị các cuộc họp của HĐQT, Ban Kiểm soát (BKS) và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của HĐQT, BKS; ii) Làm biên bản các cuộc họp; iii) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp; iv) Tham dự các cuộc họp; v) Đảm bảo thể thức các nghị quyết của HĐQT phù hợp với luật pháp; vi) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT, BKS Tổng công ty.

- Bộ phận Kiểm toán nội bộ: Do HĐQT Tổng công ty quyết định thành lập, nằm trong Phòng Pháp chế - Thanh tra Tổng công ty và do HĐQT trực tiếp quản lý. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện theo Quy chế Kiểm toán nội bộ của Tổng công ty ban hành kèm theo Quyết định số 1887/QĐ-ĐLTKV ngày 13/11/2020 của HĐQT Tổng công ty.

5. Các Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT:

- Trong năm 2022, HĐQT đã ban hành 73 nghị quyết với các nội dung, quyết sách quan trọng, phê duyệt các quy chế quản lý nội bộ, chỉ đạo kịp thời, có kết quả việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh. Các nội dung chủ yếu như Phụ lục số 01 kèm theo.

III. Ban Kiểm soát (BKS):

1. Thông tin về thành viên BKS:

| Stt | Thành viên BKS | Chức vụ | Ngày bắt đầu là thành viên BKS | Trình độ chuyên môn |
|-----|----------------------|------------|--------------------------------|--|
| 1 | Ông Lê Ngọc Nam | Trưởng ban | 28/4/2021 | Cử nhân kinh tế |
| 2 | Bà Bùi Thu Thái | Thành viên | 28/4/2021 | Kỹ sư xây dựng |
| 3 | Bà Đào Thị Hoàng Yến | Thành viên | 28/4/2021 | Kỹ sư tuyển khoáng, Cử nhân kinh tế |

2. Cuộc họp của BKS:

| Stt | Thành viên BKS | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết | Lý do không tham dự họp |
|-----|----------------------|---------------------|-------------------|------------------|-------------------------|
| 1 | Ông Lê Ngọc Nam | 4 | 100% | 100% | |
| 2 | Bà Bùi Thu Thái | 4 | 100% | 100% | |
| 3 | Bà Đào Thị Hoàng Yến | 4 | 100% | 100% | |

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc Tổng công ty và cổ đông:

BKS Tổng công ty có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, trong đó:

- Giám sát HĐQT, Tổng giám đốc Tổng công ty trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Giám sát việc chấp hành Điều lệ, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, của HĐQT Tổng công ty; Thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc Tổng công ty và các cán bộ quản lý khác:

- Trong năm 2022, BKS Tổng công ty đã chủ động phối hợp chặt chẽ, tích cực với HĐQT, Ban Giám đốc Tổng công ty và các cán bộ quản lý khác của Tổng công ty theo đúng chức năng, nhiệm vụ và góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

- Trưởng BKS Tổng công ty đã tham dự 100% các phiên họp của HĐQT. BKS Tổng công ty đã đưa ra chương trình công tác của BKS trong năm 2022, tuy nhiên do tình hình dịch bệnh Covid 19 trong Quý I năm 2022 diễn biến phức tạp, đến Quý II và các quý tiếp theo của năm 2022 BKS đã thực hiện kiểm tra trực tiếp tại 07 đơn vị trong Tổng công ty và thông báo kết quả làm việc tại các đơn vị. Thường kỳ, BKS cũng đồng thời báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của BKS hàng quý về Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) theo quy định về chức năng, nhiệm vụ của người đại diện TKV tại Tổng công ty.

IV. Ban điều hành:

| Stt | Thành viên Ban điều hành | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành |
|-----|--|---------------------|---|--|
| 1 | Ông Ngô Trí Thịnh TV. HĐQT, Tổng giám đốc | 05/4/1975 | Kỹ sư nhiệt | 02/02/2021 |
| 2 | Ông Phạm Xuân Phong Phó Tổng giám đốc | 30/10/1973 | Kỹ sư điện khí hoá xí nghiệp | 02/02/2021 |
| 3 | Ông Bùi Minh Tân Phó Tổng giám đốc | 02/11/1981 | Kỹ sư điện | 02/02/2021 |
| 4 | Ông Nguyễn Trung Thực TV. HĐQT, Phó TGD | 18/9/1978 | Kỹ sư điện khí hoá xí nghiệp | 26/3/2019 |
| 5 | Ông Nghiêm Xuân Chiến Phó Tổng giám đốc | 9/10/1969 | Kỹ sư điện khí hoá xí nghiệp | 01/10/2021 |
| 6 | Ông Đoàn Xuân Hiệu Phó Tổng giám đốc | 03/03/1982 | Thạc sỹ Tài chính, tiền tệ, ngân hàng. Cử nhân Kinh tế đối ngoại. | 01/10/2021 |

V. Kế toán trưởng:

| Stt | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm |
|-----|--|---------------------|--|---|
| 1 | Bà Nguyễn Thị Hà | 29/11/1966 | Cử nhân kinh tế | 02/02/2021 (kéo dài thời gian giữ chức vụ) |
| | Ngày 10/5/2022 Tổng công ty đã có Nghị quyết số 27/NQ-ĐLTKV và Quyết định số 798/QĐ-ĐLTKV về việc Bà Nguyễn Thị Hà - Kế toán trưởng Tổng công ty Điện lực - TKV nghỉ hưu theo chế độ kể từ ngày 01/8/2022. Thông tin này đã được công bố thông tin theo văn bản số 800/ĐLTKV-VP ngày 10/5/2022 của Tổng công ty báo cáo UBCK Nhà nước và Sở GDCK Hà Nội. | | | |
| 2 | Lưu Thị Minh Thanh | 31/12/1978 | Thạc sỹ QTKD, Cử nhân Kế toán doanh nghiệp | Được bổ nhiệm Kế toán trưởng Tổng công ty kể từ ngày 01/8/2022. |
| | Ngày 25/7/2022 Tổng công ty đã có Nghị quyết số 45/NQ-ĐLTKV và Quyết định số 1236/QĐ-ĐLTKV về việc bổ nhiệm bà Lưu Thị Minh Thanh - Phó Trưởng phòng Kế toán - Tài chính Tổng công ty Điện lực - TKV giữ chức vụ Kế toán trưởng Tổng công ty Điện lực - TKV kể từ ngày 01/8/2022. Thông tin này đã được công bố thông tin theo văn bản số 1247/ĐLTKV-VP ngày 26/7/2022 của Tổng công ty báo cáo UBCK Nhà nước và Sở GDCK Hà Nội. | | | |

VI. Đào tạo về quản trị công ty:

Các thành viên HĐQT, BKS, Ban lãnh đạo điều hành và CBCNV Tổng công ty tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty được Trường Quản trị kinh doanh - Vinacomin (thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam/ TKV) hoặc các tổ chức đào tạo tổ chức hằng năm, như đào tạo về Công tác tài chính, Quản lý vật tư, Bồi dưỡng kiểm soát viên, ... phù hợp yêu cầu công tác.

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty:

- Danh sách về người có liên quan của công ty: Phụ lục số 02 đính kèm.
- Giao dịch giữa Tổng công ty với người có liên quan của Tổng công ty; hoặc giữa Tổng công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: Không.
- Giao dịch giữa người nội bộ Tổng công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát: Không.
- Giao dịch giữa Tổng công ty với các đối tượng khác: Không.
- Nội dung về việc hoán đổi cổ phiếu theo hợp đồng sáp nhập CTCP Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV (Mã CK: NCP) và Tổng công ty Điện lực - TKV (Mã CK: DTK):

Ngày 31/12/2021 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) đã ban hành văn bản số 9172/UBCK-QLCB về việc báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để hoán đổi theo hợp đồng sáp nhập của Tổng công ty. Theo đó, ngày 30/12/2021, UBCKNN đã nhận được báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để hoán đổi theo hợp đồng sáp nhập theo Báo cáo phát hành số 2400/BC-ĐLTKV ngày 30/12/2021 của Tổng công ty Điện lực - TKV (Mã CK: DTK). Theo đó, Tổng công ty đã phát hành 2.767.475 cổ phiếu để hoán đổi cổ phiếu CTCP Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV (Mã CK: NCP) (chiếm 99,99% tổng số cổ phiếu đăng ký phát hành).

Sau khi hoàn thành hoán đổi theo hợp đồng sáp nhập NCP vào Tổng công ty, Tổng công ty đã hoàn thiện thủ tục và được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (GCN ĐKDN) (đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 06/01/2022).

Các nội dung nêu trên đã được công bố thông tin theo quy định tại văn bản số 39/ĐLTKV-VP ngày 06/01/2022 của Tổng công ty về việc UBCKNN đã nhận được báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để hoán đổi theo hợp đồng sáp nhập NCP và DTK và văn bản số 51/ĐLTKV-VP ngày 07/01/2022 của Tổng công ty về việc CBTT Giấy chứng nhận ĐKDN đăng ký thay đổi lần 7 ngày 06/01/2022 và Điều lệ Tổng công ty sửa đổi, bổ sung.

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ:

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ: Phụ lục số 03 đính kèm.
2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Tổng công ty: Không.

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác: Không. *DK*

Nơi nhận:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam;
- HĐQT, BKS (e-copy);
- TGĐ. Ngô Trí Thịnh (e-copy);
- PTGD Đoàn Xuân Hiệu (e-copy);
- KTr Lưu Thị Minh Thanh (e-copy);
- Các Phòng: KTTC, TCNS, PCTT (e-copy);
- Lưu: VT, T.ký HĐQT, NĐH (03b).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Trọng Hùng

DANH SÁCH CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CHÍNH CỦA HĐQT

(Kèm theo Báo cáo số **140** /BC-ĐLTKV ngày 30 / 01 /2023
của Tổng công ty Điện lực - TKV)

| Stt | Số nghị quyết/ quyết định | Ngày | Nội dung tóm lược | Tỷ lệ thông qua |
|----------|------------------------------|------------|--|--------------------|
| A | NGHỊ QUYẾT: | | | |
| 1 | 01/NQ-ĐLTKV | 04/01/2022 | Thông qua việc triển khai Kế hoạch đầu tư và xây dựng (ĐT XD) năm 2022. | 100% |
| 2 | 02/NQ-ĐLTKV | 12/01/2022 | Thông qua việc tạm giao Kế hoạch sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2022 của Tổng công ty. | 100% |
| 3 | 03/NQ-ĐLTKV | 17/01/2022 | Thông qua chủ trương thành lập Phòng Quản lý vốn thuộc Cơ quan quản lý, điều hành Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực - TKV. Thông qua điều chỉnh thời gian thực hiện các dự án đầu tư của Công ty Nhiệt điện Đông Triều - TKV. | 100% |
| 4 | 04/NQ-ĐLTKV | 26/01/2022 | Thông qua Đề cương - Dự toán và Kế hoạch LCNT giai đoạn chuẩn bị đầu tư Dự án đầu tư phần mềm ứng dụng quản lý sửa chữa bảo dưỡng thiết bị. Thông qua các nội dung giải quyết kiến nghị của Công ty Cổ phần Poliland. | 100% |
| 5 | 05/NQ-ĐLTKV | 26/01/2022 | Thông qua việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022. | 100% |
| 6 | 06/NQ-ĐLTKV | 21/02/2022 | Về việc thu hồi Bảo lãnh dự thầu Gói thầu số 28: Gói thầu EPC - Nhà máy chính thuộc Dự án NMNĐ Na Dương II. | 100% |
| 7 | 07/NQ-ĐLTKV | 22/02/2022 | Thông qua Đề cương nhiệm vụ, Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (KHLCNT) giai đoạn chuẩn bị đầu tư Dự án đầu tư nâng cấp hệ thống hút bụi bằng tải than và thải xỉ Nhà máy nhiệt điện Mạo Khê. Thông qua bổ sung Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (LCNT) Sửa chữa lớn TSCĐ năm 2022 của Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV. Về công tác cán bộ; Phân công nhiệm vụ trong Ban lãnh đạo điều hành Tổng công ty; Việc kiện toàn Phòng Đầu tư và Phòng Quản lý vốn. | 100% |
| 8 | 08/NQ-ĐLTKV | 28/02/2022 | Về việc triển khai các công việc thuộc Dự án NMNĐ Na Dương II. | 100% |

| Stt | Số nghị quyết/ quyết định | Ngày | Nội dung tóm lược | Tỷ lệ thông qua |
|-----|------------------------------|-----------|---|--------------------|
| 9 | 09/NQ-ĐLTKV | 04/3/2022 | Việc tạm ứng cổ tức năm 2021 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (QTP). | 100% |
| | | | Ban hành Quy định quản lý Công tác Cảnh quan - Môi trường của Tổng công ty. | |
| | | | Về việc điều chỉnh thời gian thực hiện và kế hoạch LCNT Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2021 NMNĐ Cẩm Phả. | |
| | | | Rà soát, lập báo cáo HĐQT đối với Dự án Nhà máy nhiệt điện Na Dương II. | |
| 10 | 10/NQ-ĐLTKV | 10/3/2022 | Thông qua việc báo cáo Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) về tình hình triển khai thực hiện Dự án NMNĐ Na Dương II. | 100% |
| 11 | 11/NQ-ĐLTKV | 18/3/2022 | Thông qua Đề cương nhiệm vụ - Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (LCNT) giai đoạn chuẩn bị đầu tư Dự án nâng cấp hệ thống giám sát độ rung Nhà máy nhiệt điện (NMNĐ) Na Dương. | 100% |
| | | | Thông qua Đề cương nhiệm vụ - Dự toán và Kế hoạch LCNT giai đoạn chuẩn bị đầu tư Dự án đầu tư hệ thống tuyển rửa thu hồi than từ đá thải, đá xít thải mỏ than Nông Sơn. | |
| | | | Thông qua việc ban hành Quy chế Kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật và tuân thủ các quyết định của Chủ sở hữu trong Tổng công ty Điện lực - TKV sửa đổi, bổ sung. | |
| | | | Thông qua việc ban hành Quy chế quản lý công nợ của Tổng công ty Điện lực - TKV sửa đổi, bổ sung. | |
| | | | Thông qua việc phối hợp cùng Viện Khoa học Công nghệ Mỏ - Vinacomin (Viện KHCN Mỏ) thực hiện nhiệm vụ Khoa học & Công nghệ (KH&CN) cấp Tập đoàn TKV năm 2022. | |
| | | | Rà soát, báo cáo HĐQT Tổng công ty về việc kiện toàn bộ máy người đại diện phân vốn Tổng công ty. | |
| 12 | 12/NQ-ĐLTKV | 18/3/2022 | Về việc triển khai thực hiện Dự án NMNĐ Na Dương II. | 100% |

| Stt | Số nghị quyết/ quyết định | Ngày | Nội dung tóm lược | Tỷ lệ thông qua |
|-----|------------------------------|-----------|--|--------------------|
| 13 | 13/NQ-ĐLTKV | 28/3/2022 | Về Dự án Thiết bị tiết kiệm năng lượng NMNĐ Cao Ngạn. | 100% |
| | | | Về Dự án đầu tư Rơ le bảo vệ so lệch dọc đường dây cho ngăn lộ 171, 172 trạm 110kV NMNĐ Na Dương. | |
| | | | Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý tài chính của Tổng công ty Điện lực - TKV. | |
| | | | Về việc cử người đại diện tham gia ứng cử thành viên HĐQT, BKS Công ty CP Nhiệt điện Hải Phòng (HND) nhiệm kỳ 2022 - 2027. | |
| | | | Việc bổ nhiệm Trưởng Phòng Đầu tư Tổng công ty. | |
| | | | Việc cho thôi giữ chức vụ Chánh Văn phòng Tổng công ty. | |
| | | | Về các nội dung cuộc họp HĐQT Công ty BOT lần thứ nhất năm 2022. | |
| | | | Về việc xác định chi phí tiền lương thực hiện năm 2021. | |
| 14 | 14/NQ-ĐLTKV | 31/3/2022 | Về việc hủy kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 28: Gói thầu EPC - Nhà máy chính thuộc Dự án NMNĐ Na Dương II . | 100% |
| 15 | 15/NQ-ĐLTKV | 31/3/2022 | Phê duyệt Hồ sơ mời thầu phục vụ đấu thầu lần 2 gói thầu số 28: Gói thầu EPC - Nhà máy chính thuộc Dự án NMNĐ Na Dương II. | 100% |
| 16 | 16/NQ-ĐLTKV | 31/3/2022 | Việc triển khai Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2022 của Tổng công ty. | 100% |
| 17 | 17/NQ-ĐLTKV | 04/4/2022 | Thông qua việc chấm dứt hoạt động Ban Quản lý dự án Nhà máy nhiệt điện (NMNĐ) Mạo Khê - Vinacomin. | 100% |
| 18 | 18/NQ-ĐLTKV | 04/4/2022 | Về việc triển khai thực hiện Dự án NMNĐ Na Dương II. | 100% |
| | | | Việc thanh toán các khoản phí cho Bên Cho Vay theo các hợp đồng tín dụng - Dự án NMNĐ Na Dương II. | |
| | | | Thông qua Đề cương - Dự toán và Kế hoạch LCNT giai đoạn chuẩn bị đầu tư Dự án Máy nghiền than số 2 NMNĐ Cao Ngạn. | |
| | | | Việc chuyển chủ thể Hợp đồng cung cấp phụ tùng của Công ty TNHH Điện lực Vĩnh Tân 1. | |
| 19 | 19/NQ-ĐLTKV | 12/4/2022 | Định mức tín dụng ngắn hạn năm 2022 của Tổng công ty. | 100% |
| | | | Về nhân sự phụ trách Văn phòng Tổng công ty. | |

| Stt | Số nghị quyết/ quyết định | Ngày | Nội dung tóm lược | Tỷ lệ thông qua |
|-----|------------------------------|-----------|---|--------------------|
| 20 | 20/NQ-ĐLTKV | 22/4/2022 | Nội dung biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 Công ty CP Nhiệt điện Quảng Ninh. Sửa chữa tuabin Tổ máy số 2 NMNĐ Cẩm Phả. | 100% |
| 21 | 21/NQ-ĐLTKV | 25/4/2022 | Ban hành “Quy chế Huy động vốn, sử dụng vốn, bảo lãnh và các sản phẩm dịch vụ tài chính của Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP”. Việc điều chỉnh Tổng mức đầu tư Dự án NMNĐ Sơn Động 220 MW. | 100% |
| 22 | 22/NQ-ĐLTKV | 28/4/2022 | Việc báo cáo kết quả thực hiện các kết luận, kiến nghị của KTNN. | 100% |
| 23 | 23/NQ-ĐLTKV | 06/5/2022 | Việc tạm đình chỉ công việc đối với cán bộ. | 100% |
| 24 | 24/NQ-ĐLTKV | 09/5/2022 | Về việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 Công ty CP Than - Điện Nông Sơn - TKV. Việc điều chỉnh thời gian thực hiện và Kế hoạch LCNT Dự án đầu tư thiết bị sản xuất năm 2021 NMNĐ Cẩm Phả. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản lý và sử dụng tài sản cố định của Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực - TKV. | 100% |
| 25 | 25/NQ-ĐLTKV | 09/5/2022 | Thay đổi người đại diện tham gia ứng cử thành viên HĐQT Công ty CP Nhiệt điện Hải Phòng. | 100% |
| 26 | 26/NQ-ĐLTKV | 09/5/2022 | Giải quyết chế độ hưu trí đối với cán bộ và thông qua chủ trương về phương án nhân sự bổ nhiệm Kế toán trưởng Tổng công ty. | 100% |
| 27 | 27/NQ-ĐLTKV | 10/5/2022 | Việc giải quyết chế độ hưu trí đối với cán bộ. | 100% |
| 28 | 28/NQ-ĐLTKV | 18/5/2022 | Về việc xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý Tổng công ty giai đoạn 2025 - 2030 và giai đoạn 2020 - 2025 (sau rà soát, bổ sung) | 100% |
| 29 | 29/NQ-ĐLTKV | 18/5/2022 | Về việc đồng chí Lê Văn Xuân thôi giữ chức vụ Giám đốc Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV theo nguyện vọng cá nhân. | 100% |
| 30 | 30/NQ-ĐLTKV | 18/5/2022 | Về việc gia hạn thời điểm đóng thầu Gói thầu số 28: Gói thầu EPC -Nhà máy chính thuộc Dự án NMNĐ Na Dương II. Về việc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng. | 100% |
| 31 | 31/NQ-ĐLTKV | 25/5/2022 | Về việc chi tài trợ cho địa phương. | 100% |
| 32 | 32/NQ-ĐLTKV | 27/5/2022 | Về việc gia hạn thời điểm đóng thầu gói thầu số 28: Gói thầu EPC - Nhà máy chính thuộc Dự án NMNĐ Na Dương II. | 100% |
| 33 | 33/NQ-ĐLTKV | 31/5/2022 | Việc giải quyết thương mại Gói thầu EPC và quyết toán dự án hoàn thành Dự án NMNĐ Nông Sơn. | 100% |

| Stt | Số nghị quyết/ quyết định | Ngày | Nội dung tóm lược | Tỷ lệ thông qua |
|-----|------------------------------|-----------|---|--------------------|
| 34 | 34/NQ-ĐLTKV | 31/5/2022 | Về Dự án Nhà điều hành sản xuất Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - TKV. | 100% |
| | | | Về việc chuyển nhượng vốn của CSG cho CSGIHK. | |
| | | | Thông qua Kế hoạch sử dụng Quỹ Khen thưởng, Quỹ Phúc lợi năm 2022 của Tổng công ty và quyết toán quỹ thưởng người quản lý chuyên trách năm 2021. | |
| 35 | 35/NQ-ĐLTKV | 31/5/2022 | Về việc tạm đình chỉ công việc đối với cán bộ. | 100% |
| 36 | 36/NQ-ĐLTKV | 10/6/2022 | Về việc gia hạn thời điểm đóng thầu gói thầu số 28: Gói thầu EPC - Nhà máy chính thuộc Dự án NMNĐ Na Dương II. | 100% |
| 37 | 37/NQ-ĐLTKV | 14/6/2022 | Về Dự án đầu tư và Kế hoạch LCNT Dự án Nâng cấp hệ thống DCS Tổ máy S1 và phần chung NMNĐ Cẩm Phả. | 100% |
| | | | Về việc phân công nhiệm vụ đối với đồng chí Lê Văn Xuân và giao Quyền giám đốc công ty cho đồng chí Phạm Đức Tuyên. | |
| | | | Về việc thực hiện quy trình bổ nhiệm Kế toán trưởng Tổng công ty. | |
| | | | Thông qua ý kiến bổ sung tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng. | |
| 38 | 38/NQ-ĐLTKV | 22/6/2022 | Thông qua ý kiến bổ sung tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng. | 100% |
| 39 | 39/NQ-ĐLTKV | 27/6/2022 | Về việc xử lý tình huống trong đấu thầu gói thầu số 28: Gói thầu EPC - Nhà máy chính thuộc Dự án NMNĐ Na Dương II. | 100% |
| 40 | 40/NQ-ĐLTKV | 28/6/2022 | Thông qua kết quả thực hiện quy trình xem xét bổ nhiệm Kế toán trưởng Tổng công ty. | 100% |
| 41 | 41/NQ-ĐLTKV | 28/6/2022 | Về việc xây dựng Kế hoạch Kỹ thuật sản xuất điện - than năm 2023 của Tổng công ty. | 100% |
| 42 | 42/NQ-ĐLTKV | 28/6/2022 | Về việc rà soát, điều chỉnh các nội dung của Hồ sơ mời thầu (HSMT) gói thầu số 28: Gói thầu EPC - Nhà máy chính thuộc Dự án NMNĐ Na Dương II. | 100% |
| | | | Về việc chấn chỉnh, tăng cường sự tuân thủ và chấp hành các quy định nội bộ, pháp luật của Nhà nước trong công tác đấu thầu, đầu tư, quản lý, mua sắm, sử dụng vật tư của Tổng công ty. | |

| Stt | Số nghị quyết/ quyết định | Ngày | Nội dung tóm lược | Tỷ lệ thông qua |
|--|------------------------------|-----------|---|--------------------|
| 43 | 43/NQ-HĐQT | 8/7/2022 | Về việc thuê chuyên gia chính hãng để đánh giá, khắc phục Tuabin S2 NMNĐ Cẩm Phả theo Báo cáo số 1131/BC-ĐLTKV ngày 07/7/2022 | 100% |
| | | | Thông qua việc ban hành Quy chế Sửa chữa tài sản cố định của Tổng công ty Điện lực - TKV theo Tờ trình số 1113/TTr-ĐLTKV ngày 04/7/2022 | |
| 44 | 44/NQ-HĐQT | 19/7/2022 | Về việc Điều tra sự cố Tuabin S2 Nhà máy nhiệt điện Cẩm Phả | 100% |
| | | | Về việc Phê duyệt danh mục hệ thống/thiết bị sửa chữa lớn TSCĐ năm 2023 của Tổng công ty Điện lực - TKV | |
| | | | Về việc hợp tác nghiên cứu, phát triển công nghệ đốt phối trộn than – sinh khối (đồng đốt) | |
| | | | Về việc Thông qua phương án Tổng mặt bằng và kiến trúc công trình Nhà CBCNV phục vụ điều hành sản xuất NMNĐ Na Dương | |
| | | | Về việc Thông qua việc thay đổi Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Điện lực Vĩnh Tân 1 | |
| | | | Về Dự án NMNĐ Na Dương II | |
| Về Dự án đầu tư hệ thống khử lưu huỳnh ngoài lò (FGD) – NMNĐ Na Dương II | | | | |
| 45 | 45/NQ-HĐQT | 25/7/2022 | Thông qua việc bổ nhiệm Kế toán trưởng Tổng công ty theo văn bản số 3323/TKV-TCNS ngày 22/7/2022 | 100% |
| 46 | 46/NQ-HĐQT | 25/7/2022 | Về việc công tác cán bộ theo Tờ trình số 1191/TTr-ĐLTKV ngày 15/7/2022 | 100% |
| 47 | 47/NQ-HĐQT | 11/8/2022 | Về việc phê duyệt Báo cáo NCKT và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án đầu tư thiết bị tiết kiệm năng lượng NMNĐ Cao Ngạn | 100% |
| 48 | 48/NQ-HĐQT | 16/8/2022 | Về việc sửa chữa Tuabin tổ máy S2 nhà máy nhiệt điện Cẩm Phả | 100% |
| | | | Về việc xây dựng kế hoạch kỹ thuật sản xuất điện năm 2023 | |
| | | | Về việc Phê duyệt Dự án đầu tư và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án nâng cấp hệ thống điều khiển tự động tổ máy S1 và phần dùng chung NMNĐ Cẩm Phả | |
| 49 | 49/NQ-HĐQT | 17/8/2022 | Thông qua Báo cáo NCKT và Kế hoạch LCNT Dự án Nhà điều hành sản xuất Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - TKV theo Báo cáo số 1356/BC-ĐLTKV ngày 17/8/2022 và Tờ trình số 809/TTr-ĐLTKV ngày 12/5/2022 | 100% |

| Stt | Số nghị quyết/ quyết định | Ngày | Nội dung tóm lược | Tỷ lệ thông qua |
|--|------------------------------|-----------|---|--------------------|
| 50 | 50/NQ-HĐQT | 23/8/2022 | Thông qua Đề cương nhiệm vụ - Dự toán và Kế hoạch LCNT giai đoạn chuẩn bị đầu tư Dự án chuyển đổi nhiên liệu phụ từ dầu HFO sang dầu DO và thay thế thiết bị hệ thống đốt dầu lò hơi số 1 - NMNĐ Cẩm Phả theo Tờ trình số 1355/TTr-ĐLTKV ngày 17/8/2022 | 100% |
| 51 | 51/NQ-HĐQT | 30/8/2022 | Thông qua Quy hoạch cán bộ Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Tổng công ty và cán bộ lãnh đạo, quản lý các đơn vị thành viên theo Tờ trình số 1380/TTr-ĐLTKV ngày 23/8/2022 | 100% |
| 52 | 52/NQ-HĐQT | 7/9/2022 | Về việc cử cán bộ đi công tác nước ngoài theo Tờ trình số 1445/TTr-ĐLTKV ngày 06/9/2022 | 100% |
| 53 | 53/NQ-HĐQT | 7/9/2022 | Về việc triển khai thực hiện Dự án NMNĐ Na Dương II theo Báo cáo số 1438/BC-ĐLTKV ngày 05/9/2022 | 100% |
| 54 | 54/NQ-HĐQT | 12/9/2022 | Về việc điều chỉnh Kế hoạch Đầu tư và Xây dựng năm 2022 của Tổng công ty theo Tờ trình số 1441/TTr-ĐLTKV ngày 06/9/2022 | 100% |
| | | | Thông qua việc chấm dứt hoạt động BQLDA NMNĐ Cao Ngạn theo Tờ trình số 1443/TTr-ĐLTKV ngày 06/9/2022 | |
| 55 | 55/NQ-HĐQT | 15/9/2022 | Về việc thay đổi nhân sự tham gia đoàn công tác nước ngoài theo Tờ trình số 1488/TTr-ĐLTKV ngày 15/9/2022 | 100% |
| 56 | 56/NQQ-HĐQT | 19/9/2022 | Về kết quả xác minh Đơn tố cáo tham nhũng ở gói thầu số 1 - Cung cấp, lắp đặt, chạy thử và hiệu chỉnh các bộ làm mát xi đáy lò hơi NMNĐ Cẩm Phả theo Báo cáo số 1480/BC-ĐLTKV ngày 14/9/2022 | 100% |
| | | | Về việc cử cán bộ đi công tác nước ngoài theo Tờ trình số 1476/TTr-ĐLTKV ngày 13/9/2022 | |
| | | | Thông qua các hạn mức tín dụng ngắn hạn của Tổng công ty với các ngân hàng theo Tờ trình số 1479/TTr-ĐLTKV ngày 13/9/2022 | |
| | | | Về việc triển khai thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 theo Báo cáo số 1485/BC-ĐLTKV ngày 14/9/2022 | |
| | | | Về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) bất thường năm 2022 của Công ty Cổ phần Than - Điện Nông Sơn - TKV theo Tờ trình số 1499/TTr-ĐLTKV ngày 15/9/2022 | |
| | | | Về việc triển khai thực hiện Dự án NMNĐ Na Dương II | |
| Về việc sửa chữa tuabin Tổ máy số 2 NMNĐ Cẩm Phả | | | | |

| Stt | Số nghị quyết/ quyết định | Ngày | Nội dung tóm lược | Tỷ lệ thông qua |
|-----|------------------------------|------------|--|--------------------|
| 57 | 57/NQ-HĐQT | 20/9/2022 | Về việc triển khai công tác sửa chữa Tuabin số 2 NMNĐ Cẩm Phả theo Báo cáo số 1496/BC-ĐLTKV ngày 15/9/2022 | 100% |
| 58 | 58/NQ-HĐQT | 22/9/2022 | Về việc điều chỉnh Kế hoạch kỹ thuật sản xuất điện năm 2023 của Tổng công ty theo Báo cáo số 1511/BC-ĐLTKV ngày 20/9/2022 | 100% |
| 59 | 59/NQ-HĐQT | 26/9/2022 | Thông qua Đề cương - Dự toán và bổ sung gói thầu: Rà soát, đánh giá sự cần thiết phải hiệu chỉnh hồ sơ mời thầu (HSMT) Gói thầu số 28: Gói thầu EPC - Nhà máy chính Dự án NMNĐ Na Dương II và thực hiện hiệu chỉnh HSMT (nếu cần) theo Tờ trình số 1504/TTr-ĐLTKV ngày 20/9/2022 | 100% |
| | | | Về Phương án thu xếp vốn đầu tư Dự án NMNĐ Na Dương II theo Báo cáo số 1533/BC-ĐLTKV ngày 21/9/2022 | |
| | | | Thông qua việc cho thôi giữ chức vụ Giám đốc BQLDA NMNĐ Mạo Khê - Vinacomin theo Tờ trình số 1520/TTr-ĐLTKV ngày 20/9/2022 | |
| | | | Về việc quyết toán dự án hoàn thành Dự án NMNĐ Sơn Động 220 MW theo Tờ trình số 1525/TTr-ĐLTKV ngày 20/9/2022 | |
| 60 | 60/NQ-HĐQT | 3/10/2022 | Về việc sửa chữa, bảo dưỡng các tổ máy NMNĐ Cẩm Phả | 100% |
| | | | Về việc triển khai thực hiện Dự án NMNĐ Na Dương II | |
| | | | Về việc triển khai đầu tư bộ khử lưu huỳnh trong khí khói (FGD) cho NMNĐ Na Dương | |
| | | | Về quyết toán dự án hoàn thành đối với Dự án NMNĐ Nông Sơn và Dự án NMNĐ Sơn Động | |
| | | | Về việc triển khai đấu thầu các gói thầu đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh của các đơn vị | |
| | | | Về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Quy chế quản lý cán bộ theo Tờ trình số 1577/TTr-ĐLTKV ngày 30/9/2022 | |
| 61 | 61/NQ-HĐQT | 4/10/2022 | Về việc cử cán bộ tham gia đoàn công tác của TKV theo Tờ trình số 1592/TTr-ĐLTKV ngày 04/10/2022 | 100% |
| 62 | 62/NQ-HĐQT | 11/10/2022 | Về việc xây dựng Kế hoạch kỹ thuật sản xuất điện năm 2023 của Tổng công ty theo Báo cáo số 1594/BC-ĐLTKV ngày 05/10/2022 | 100% |
| 63 | 63/NQ-HĐQT | 17/10/2022 | Về việc bổ nhiệm lại Người phụ trách quản trị công ty | 100% |

| Stt | Số nghị quyết/ quyết định | Ngày | Nội dung tóm lược | Tỷ lệ thông qua |
|--|------------------------------|------------|--|--------------------|
| 64 | 64/NQ-HĐQT | 19/10/2022 | Về việc triển khai KHĐT năm 2022 điều chỉnh Tổng công ty Điện lực - TKV | 100% |
| 65 | 65/NQ-HĐQT | 20/10/2022 | Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý cán bộ của Tổng công ty theo Tờ trình số 1654/TTr-ĐLTKV ngày 14/10/2022 | 100% |
| 66 | 66/NQ-HĐQT | 25/10/2022 | Về Dự án đầu tư và Kế hoạch LCNT Dự án đầu tư thay thế hệ thống kích từ tổ máy S1 NMNĐ Cẩm Phả theo Tờ trình số 1683/TTr-ĐLTKV ngày 20/10/2022 | 100% |
| | | | Về Phương án kỹ thuật, Dự toán và Kế hoạch LCNT Cung cấp vật tư và dịch vụ sửa chữa Tuabin tổ máy số 2 NMNĐ Cẩm Phả theo Báo cáo số 1700/BC-ĐLTKV ngày 24/10/2022 | |
| | | | Về việc phân phối lợi nhuận năm 2021 của Công ty TNHH Điện lực Vĩnh Tân 1 (VT1) theo báo cáo số 1701/ĐLTKV-PCTT ngày 24/10/2022 | |
| | | | Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đối với Dự án NMNĐ Sơn Động 220 MW theo Tờ trình số 1525/TTr-ĐLTKV ngày 20/9/2022 | |
| | | | Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở tại Tổng công ty Điện lực - TKV theo Tờ trình số 1702/TTr-ĐLTKV ngày 24/10/2022 | |
| Về việc xây dựng Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 theo Tờ trình số 1706/TTr-ĐLTKV ngày 24/10/2022 | | | | |
| 68 | 68/NQ-HĐQT | 01/11/2022 | Về việc cử cán bộ tham gia đoàn công tác của Cục ATMT theo Tờ trình số 1760/TTr-ĐLTKV ngày 31/10/2022 | 100% |
| 69 | 69/NQ-HĐQT | 10/11/2022 | Về dự toán và kế hoạch LCNT sửa chữa lớn TSCĐ năm 2023 của các đơn vị trực thuộc, công ty con của Tổng công ty theo Tờ trình số 1788 và 1789/TTr-ĐLTKV ngày 03/11/2022 | 100% |
| | | | Về Dự án đầu tư nâng cấp hệ thống UPS Tổ máy S1 NMNĐ Cẩm Phả theo Tờ trình số 1764/TTr-ĐLTKV ngày 31/10/2022 | |
| | | | Thông qua Dự án đầu tư và Kế hoạch LCNT dự án đầu tư nâng cấp hệ thống giám sát độ rung NMNĐ Na Dương và điều chỉnh chuyển bước KHĐT theo Tờ trình số 1800/TTr-ĐLTKV ngày 04/11/2022 | |
| | | | Đối với Công ty Cổ phần Than - Điện Nông Sơn - TKV (V.NSCP) | |
| Đối với Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (NDCP) | | | | |

| Stt | Số nghị quyết/ quyết định | Ngày | Nội dung tóm lược | Tỷ lệ thông qua |
|-----|------------------------------|------------|--|--------------------|
| 70 | 70/NQ-HĐQT | 14/11/2022 | Về việc hủy hạn mức tín dụng USD và VNĐ và thanh toán các khoản phí cho Bên cho vay theo các hợp đồng tín dụng - Dự án NMNĐ Na Dương II (Báo cáo số 1712/BC-ĐLTKV ngày 25/10/2022) | 100% |
| 71 | 71/NQ-HĐQT | 17/11/2022 | Thông qua điều chỉnh, chuyển bước KHĐT năm 2022 đối với Dự án nâng cấp hệ thống giám sát độ rung NMTĐ Đồng Nai 5 và Dự án đầu tư mới thiết bị truyền dẫn đến trạm 220 kV NMNĐ Sơn Động theo Tờ trình số 1836/TTr-ĐLTKV ngày 15/11/2022 | 100% |
| | | | Về việc cho thôi giữ chức vụ Giám đốc BQLDA Nhà máy nhiệt điện Cao Ngạn | |
| 72 | 72/NQ-HĐQT | 25/11/2022 | Thông qua việc ban hành Hệ thống thang lương, bảng lương mới của Tổng công ty Điện lực - TKV theo Tờ trình số 1871/TTr-ĐLTKV ngày 17/11/2022 | 100% |
| | | | Về việc xây dựng Kế hoạch đầu tư và xây dựng năm 2023 của Tổng công ty theo Tờ trình số 1882/TTr-ĐLTKV ngày 18/11/2022 | |
| | | | Thông qua dự thảo Hợp đồng mua bán than phục vụ vận hành các nhà máy điện trong Tổng công ty năm 2023 với TKV và Tổng công ty Đông Bắc theo Báo cáo số 1884/BC-ĐLTKV ngày 18/11/2022 | |
| | | | Về các chỉ tiêu định mức kỹ thuật sản xuất điện - than năm 2023 của Tổng công ty theo Tờ trình số 1901/TTr-ĐLTKV ngày 21/11/2022 | |
| | | | Về việc các khoản chi trả đối với thành viên HĐQT độc lập theo Tờ trình số 1911/TTr-ĐLTKV ngày 23/11/2022 | |
| 73 | 73/NQ-HĐQT | 19/12/2022 | Về việc mua bán tro xỉ của NMNĐ Đông Triều theo Báo cáo số 1921/BC-ĐLTKV ngày 24/11/2022 | 100% |
| | | | Thông qua việc thuê văn phòng làm trụ sở Tổng công ty năm 2023 theo Tờ trình số 1999/TTr-ĐLTKV ngày 12/12/2022 | |
| | | | Về Dự án đầu tư và Kế hoạch LCNT Dự án đầu tư thiết bị sản xuất năm 2022 NMNĐ Na Dương và điều chỉnh chuyển bước KHĐT năm 2022 theo Tờ trình số 2001/TTr-ĐLTKV ngày 12/12/2022 | |
| | | | Về việc tạm giao Kế hoạch SXKD năm 2023 của Tổng công ty theo Tờ trình số 2008/TTr-ĐLTKV ngày 12/12/2022 | |

| Stt | Số nghị quyết/ quyết định | Ngày | Nội dung tóm lược | Tỷ lệ thông qua |
|----------|------------------------------|------------|---|--------------------|
| 74 | 74/NQ-HĐQT | 27/12/2022 | Về các nội dung biểu quyết tại cuộc họp HĐQT Công ty TNHH Điện lực Vĩnh Tân 1 (VT1) theo Báo cáo số 2081/ĐLTKV-PCTT ngày 22/12/2022 | 100% |
| | | | Thông qua các nội dung dự thảo Kết luận của Ban Chấp hành Đảng bộ Tổng công ty về chủ trương bố trí công tác đối với cán bộ thuộc diện Đảng ủy Tổng công ty quản lý sau khi bị kỷ luật (văn bản số 771-CV/ĐU ngày 01/12/2022) | |
| B | QUYẾT ĐỊNH: | | | |
| 1 | 66/QĐ-ĐLTKV | 12/01/2022 | Phê duyệt KHĐTĐXD 2022 của Công ty mẹ. | 100% |
| 2 | 68/QĐ-ĐLTKV | 12/01/2022 | Phê duyệt BC NCKT & KHLCNT Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất 2022. | 100% |
| 3 | 151/QĐ-ĐLTKV | 24/01/2022 | Phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án đầu tư thiết bị tiết kiệm năng lượng NMNĐ Mạo Khê. | 100% |
| 4 | 152/QĐ-ĐLTKV | 24/01/2022 | Phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện Dự án đầu tư nâng cấp hệ thống nghiền đá vôi NMNĐ Mạo Khê. | 100% |
| 5 | 207/QĐ-ĐLTKV | 27/01/2022 | Phê duyệt Đề cương, Dự toán & KHLCNT giai đoạn chuẩn bị đầu tư, Dự án đầu tư phần mềm ứng dụng quản lý sửa chữa bảo dưỡng thiết bị. | 100% |
| 6 | 382/QĐ-ĐLTKV | 08/03/2022 | Phê duyệt Đề cương, Dự toán & KHLCNT giai đoạn chuẩn bị đầu tư Dự án đầu tư nâng cấp hệ thống hút bụi bằng tải than và thải xỉ NMNĐ Mạo Khê. | 100% |
| 7 | 401/QĐ-ĐLTKV | 10/03/2022 | Thành lập Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022. | 100% |
| 8 | 402/QĐ-ĐLTKV | 10/03/2022 | Phân công nhân sự các tiêu ban giúp việc ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022. | 100% |
| 9 | 474/QĐ-ĐLTKV | 22/03/2022 | Phê duyệt Đề cương, Dự toán & KHLCNT giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án - Nâng cấp hệ thống giám sát độ rung. | 100% |
| 10 | 484/QĐ-ĐLTKV | 23/03/2022 | Ban hành Quy chế quản lý công nợ của Tổng công ty. | 100% |
| 11 | 508/QĐ-ĐLTKV | 28/03/2022 | Cử người đại diện của ĐLTKV tham gia HĐQT, BKS Công ty CP Nhiệt điện Hải Phòng nhiệm kỳ 2022 - 2027. | 100% |
| 12 | 535/QĐ-ĐLTKV | 31/03/2022 | Về việc hủy kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 28: Gói thầu EPC - Nhà máy chính thuộc Dự án NMNĐ Na Dương II. | 100% |
| 13 | 536/QĐ-ĐLTKV | 01/04/2022 | Phê duyệt HSMT lần 2 Gói thầu số 28: Gói thầu EPC - Nhà máy chính Dự án NMNĐ Na Dương II. | 100% |

| Stt | Số nghị quyết/ quyết định | Ngày | Nội dung tóm lược | Tỷ lệ thông qua |
|-----|------------------------------|------------|---|--------------------|
| 14 | 613/QĐ-ĐLTKV | 07/04/2022 | Phê duyệt Đề cương, Dự toán & KHLCNT giai đoạn chuẩn bị đầu tư Dự án Máy nghiền than số 2. | 100% |
| 15 | 632/QĐ-ĐLTKV | 14/04/2022 | Điều chỉnh, chuyển bước KHĐT 2022. | 100% |
| 16 | 706/QĐ-ĐLTKV | 26/04/2022 | Phê duyệt điều chỉnh Tổng mức đầu tư Dự án NMNĐ Sơn Động 220MW. | 100% |
| 17 | 793/QĐ-ĐLTKV | 10/05/2022 | Cử người đại diện ĐLTKV tham gia HĐQT, BKS của Công ty CP Nhiệt điện Hải Phòng nhiệm kỳ 2022 - 2027. | 100% |
| 18 | 814/QĐ-ĐLTKV | 13/5/2022 | Phê duyệt Kế hoạch SXKD năm 2022 của Tổng công ty Điện lực - TKV | 100% |
| 19 | 815/QĐ-ĐLTKV | 13/5/2022 | Phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện và KHLCNT Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất - NMNĐ Cẩm Phả | 100% |
| 20 | 826/QĐ-ĐLTKV | 16/5/2022 | Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng tài sản cố định của Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực TKV-CTCP | 100% |
| 21 | 930/QĐ-ĐLTKV | 02/6/2022 | Phê duyệt kế hoạch sử dụng Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi Tổng công ty Điện lực TKV-CTCP năm 2022 | 100% |
| 22 | 1070/QĐ-ĐLTKV | 27/6/2022 | Về việc Huỷ thầu Gói thầu số 28: Gói thầu EPC - Nhà máy chính thuộc Dự án NMNĐ Na Dương II | 100% |
| 23 | 1231/QĐ-ĐLTKV | 22/7/2022 | Về việc ban hành Quy chế sửa chữa lớn TSCĐ của Tổng công ty Điện lực - TKV | 100% |
| 24 | 1236/QĐ-ĐLTKV | 25/7/2022 | Về việc bổ nhiệm cán bộ | 100% |
| 25 | 1243/QĐ-ĐLTKV | 25/7/2022 | Phê duyệt Danh mục hệ thống/thiết bị thuộc Kế hoạch SCL TSCĐ năm 2023 của Tổng công ty Điện lực TKV-CTCP | 100% |
| 26 | 1347/QĐ-ĐLTKV | 16/8/2022 | Phê duyệt BCNCKT và KHLCNT Dự án đầu tư thiết bị tiết kiệm năng lượng NMNĐ Cao Ngạn | 100% |
| 27 | 1352/QĐ-ĐLTKV | 17/8/2022 | Phê duyệt DADT và KHLCNT Dự án đầu tư Nâng cấp hệ thống điều khiển tự động tổ máy S1 và phần chung - NMNĐ Cẩm Phả | 100% |
| 28 | 1354/QĐ-ĐLTKV | 17/8/2022 | Về việc điều chỉnh, chuyển bước KHĐT năm 2022 | 100% |
| 29 | 1360/QĐ-ĐLTKV | 17/8/2022 | Phê duyệt BCNCKT và KHLCNT Dự án Nhà điều hành sản xuất Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn | 100% |
| 30 | 1405/QĐ-ĐLTKV | 29/8/2022 | Phê duyệt Đề cương nhiệm vụ - Dự toán và KHLCNT giai đoạn chuẩn bị đầu tư Dự án chuyển đổi nhiên liệu phụ từ dầu HFO sang dầu DO và thay thế thiết bị hệ thống đốt dầu lò hơi số 1 NMNĐ Cẩm Phả | 100% |

| Stt | Số nghị quyết/ quyết định | Ngày | Nội dung tóm lược | Tỷ lệ thông qua |
|-----|------------------------------|------------|--|--------------------|
| 31 | 1628/QĐ-ĐLTKV | 10/10/2022 | Phê duyệt Đề cương – Dự toán và bổ sung Gói thầu số 44: Rà soát, đánh giá sự cần thiết phải hiệu chỉnh HSMT Gói thầu số 28: Gói thầu EPC – Nhà máy chính Dự án NMNĐ Na Dương II và thực hiện hiệu chỉnh HSMT (nếu cần) | 100% |
| 32 | 1658/QĐ-ĐLTKV | 17/10/2022 | Về việc bổ nhiệm lại Người phụ trách quản trị Tổng công ty | 100% |
| 33 | 1673/QĐ-ĐLTKV | 19/10/2022 | Phê duyệt KHĐT năm 2022 điều chỉnh của Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực TKV-CTCP | 100% |
| 34 | 1736/QĐ-ĐLTKV | 27/10/2022 | Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Dự án: NMNĐ Sơn Động 220MW | 100% |
| 35 | 1838/QĐ-ĐLTKV | 15/11/2022 | Về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở tại Tổng công ty Điện lực TKV-CTCP | 100% |
| 36 | 1899/QĐ-ĐLTKV | 21/11/2022 | Phê duyệt DADT và KHLCNT Dự án đầu tư Nâng cấp hệ thống giám sát độ rung NMNĐ Na Dương | 100% |
| 37 | 1933/QĐ-ĐLTKV | 28/11/2022 | Về việc ban hành Hệ thống thang lương, bảng lương của Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực TKV-CTCP | 100% |

-- § --

DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

(Kèm theo Báo cáo số 140 /BC-ĐLTKV ngày 30 / 01 /2023 của Tổng công ty Điện lực - TKV)

| Stt | Tên tổ chức/ cá nhân | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại Tổng công ty (nếu có) | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do |
|-----|-------------------------|--|--|------------------------------------|--|--|--|---|
| 1 | Nguyễn Trọng Hùng | | Chủ tịch HĐQT, Người đại diện phân vốn TKV tại Tổng công ty Điện lực - TKV | | | 29/12/2015 | | ĐHĐCĐ bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT. |
| 2 | Ngô Trí Thịnh | | Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc | | | 29/12/2015 | | Được bổ nhiệm Tổng giám đốc. |
| 3 | Nguyễn Đức Pha | | Thành viên chuyên trách, TT HĐQT | | | 29/12/2015 | | ĐHĐCĐ bổ nhiệm Thành viên HĐQT. |
| 4 | Nguyễn Trung Thực | | Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc | | | 26/3/2019 | | Được bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc. |
| 5 | Nguyễn Đức Thảo | | Thành viên HĐQT độc lập | | | 28/4/2021 | | ĐHĐCĐ bổ nhiệm Thành viên HĐQT độc lập. |
| 6 | Phạm Xuân Phong | | Phó Tổng giám đốc | | | 29/12/2015 | | Được bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc. |

| STT | Tên tổ chức/ cá nhân | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại Tổng công ty (nếu có) | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do |
|-----|-------------------------|--|--|------------------------------------|--|--|--|--|
| 7 | Bùi Minh Tân | | Phó Tổng giám đốc | | | 15/01/2016 | | Được bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc. |
| 8 | Nghiêm Xuân Chiến | | Phó Tổng giám đốc | | | 01/10/2021 | | Được bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc. |
| 9 | Đoàn Xuân Hiệu | | Phó Tổng giám đốc | | | 01/10/2021 | | Được bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc. |
| 10 | Nguyễn Thị Hà | | Kế toán trưởng | | | 02/02/2021 (kéo dài thời gian giữ chức vụ) | 01/8/2022 | Nghỉ hưu theo chế độ. |
| 11 | Lưu Thị Minh Thanh | | Kế toán trưởng | | | 01/8/2022 | | Được bổ nhiệm Kế toán trưởng. |
| 12 | Lê Ngọc Nam | | Trưởng Ban Kiểm soát | | | 28/4/2021 | | ĐHĐCĐ bổ nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát. |
| 13 | Bùi Thu Thái | | Thành viên Ban Kiểm soát, PTP Đầu tư | | | 29/12/2015 | | ĐHĐCĐ bổ nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát. |
| 14 | Đào Thị Hoàng Yến | | Thành viên Ban Kiểm soát, CV.Kế hoạch | | | 28/4/2021 | | ĐHĐCĐ bổ nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát. |

| Stt | Tên tổ chức/ cá nhân | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại Tổng công ty (nếu có) | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do |
|-----|---|--|---|------------------------------------|--|--|--|--|
| 15 | Ngô Văn Điện | | PTP Pháp chế - Thanh tra, Người phụ trách Kiểm toán nội bộ | | | 01/02/2021 | | Được HĐQT giao làm Người phụ trách Kiểm toán nội bộ. |
| 16 | Bùi Thị Huyền | | Thành viên Bộ phận Kiểm toán nội bộ, CV. PCTT | | | 01/02/2021 | | Được HĐQT giao làm Thành viên Bộ phận Kiểm toán nội bộ. |
| 17 | Nguyễn Thế Hồng | | Phó CVP, Thư ký HĐQT, Người được ủy quyền CBTT | | | 15/01/2016 | | Người phụ trách quản trị. |
| 18 | Nguyễn Đức Hùng | | Thư ký HĐQT, CV Phòng Đầu tư | | | 10/01/2019 | | Người phụ trách quản trị |
| 19 | Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam (TKV) | | Công ty mẹ. | | | 29/12/2015 | | TKV nắm giữ 99,27% vốn điều lệ của Tổng công ty Điện lực - TKV. |
| 20 | Công ty Cổ phần Than - Điện Nông Sơn - TKV (V.NSCP) | | Công ty con. | | | 29/12/2015 | | Tổng công ty nắm giữ 88,77% vốn điều lệ của V.NSCP. |
| 21 | Công ty TNHH Điện lực Vĩnh Tân 1 (VT1) | | Công ty liên kết | | | 29/12/2015 | | Tỷ lệ vốn góp của Tổng công ty tại VT1 là 5%. |

| Stt | Tên tổ chức/ cá nhân | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại Tổng công ty (nếu có) | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do |
|-----|---|--|---|------------------------------------|--|--|--|---|
| 22 | Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (HND) | | Công ty liên kết | | | 29/12/2015 | | Tỷ lệ vốn góp của Tổng công ty tại HND là 7,21%. |
| 23 | Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (QTP) | | Công ty liên kết | | | 29/12/2015 | | Tỷ lệ vốn góp của Tổng công ty tại QTP là 10,62%. |

-- § --

DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ (NNB) VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NNB

(Kèm theo Báo cáo số 140 /BC-DLTKV ngày 30 / 01/2023 của Tổng công ty Điện lực - TKV)

| Sit | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại Tổng công ty (nếu có) | Số CMTND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|------|----------------------|--|-----------------------------------|---------------------------------------|-----------------|----------------------------|-------------------------------|---------|
| 1 | Nguyễn Trọng Hùng | | Chủ tịch HĐQT | | | 10.000 | 0,0015% | |
| 1.1 | Nguyễn Văn Chí | | - | | | 0 | 0 | |
| 1.2 | Nguyễn Thị Nga | | - | | | 0 | 0 | |
| 1.3 | Bùi Thị Thanh Thủy | | - | | | 0 | 0 | |
| 1.4 | Nguyễn Việt Hưng | | - | | | 0 | 0 | |
| 1.5 | Nguyễn Thanh Trà | | - | | | 0 | 0 | |
| 1.6 | Nguyễn Thị Hoài Thu | | - | | | 0 | 0 | |
| 1.7 | Bùi Hữu Phi | | - | | | 0 | 0 | |
| 1.8 | Nguyễn Minh Tuấn | | - | | | 0 | 0 | |
| 1.9 | Trần Thị Thanh Huyền | | - | | | 0 | 0 | |
| 1.10 | Nguyễn Anh Dũng | | - | | | 0 | 0 | |
| 1.11 | Lê Thị Thái Hương | | - | | | 0 | 0 | |
| 1.12 | Nguyễn Thị Thu Hằng | | - | | | 0 | 0 | |
| 1.13 | Thân Trọng Dũng | | - | | | 0 | 0 | |
| 1.14 | Nguyễn Văn Minh | | - | | | 0 | 0 | |
| 1.15 | Nguyễn Văn Anh | | - | | | 0 | 0 | |

| Stt | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại Tổng công ty (nếu có) | Số CMTND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|------|--|--|-----------------------------------|---------------------------------------|-----------------|----------------------------|-------------------------------|---------|
| 1.16 | Bùi Quang Yên | | - | | | 0 | 0 | |
| 1.17 | Trần Thị San | | - | | | 0 | 0 | |
| | Tổ chức có liên quan đến NNB: | | | | | | | |
| 1.18 | Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) | | - | | | 677.808.500 | 99,27% | |
| 1.19 | Công ty CP Xuất nhập khẩu than - Vinacomim (Coalimex) | | - | | | 0 | 0 | |
| 1.20 | Công ty CP Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomim | | - | | | 0 | 0 | |
| 1.21 | Công ty CP Thiết bị điện Cẩm Phả | | - | | | 0 | 0 | |
| 2 | Ngô Trí Thịnh | | Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc | | | 36.200 | 0,0053% | |
| 2.1 | Ngô Trí Lưu | | - | | | 0 | 0 | |
| 2.2 | Trần Thị Cư | | - | | | 0 | 0 | |
| 2.3 | Nguyễn Thu Huyền | | - | | | 0 | 0 | |
| 2.4 | Ngô Trí Hưng | | - | | | 0 | 0 | |
| 2.5 | Ngô Phương Dung | | - | | | 0 | 0 | |
| 2.6 | Ngô Trí Dũng | | - | | | 0 | 0 | |

| STT | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại Tổng công ty (nếu có) | Số CMTND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|----------|--|--|---|---------------------------------------|-----------------|----------------------------|-------------------------------|---------|
| 2.7 | Ngô Trí Cường | | - | | | 0 | 0 | |
| 2.8 | Ngô Thị Loan | | - | | | 0 | 0 | |
| 2.9 | Đậu Thanh Tú | | - | | | 0 | 0 | |
| 2.10 | Nguyễn Thị Hồng Liên | | - | | | 0 | 0 | |
| 2.11 | Vũ Thị Thúy | | - | | | 0 | 0 | |
| 2.12 | Nguyễn Văn Lâm | | - | | | 0 | 0 | |
| 2.13 | Trịnh Thủy Kiều | | - | | | 0 | 0 | |
| | Tổ chức có liên quan đến NNB: | | | | | | | |
| 2.14 | Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) | | - | | | 677.808.500 | 99,27% | |
| | | | | | | | | |
| 3 | Nguyễn Đức Pha | | Thành viên chuyên trách, Thường trực HĐQT | | | 10.800 | 0,0016% | |
| 3.1 | Nguyễn Đức Phó | | - | | | 0 | 0 | |
| 3.2 | Phạm Thị Hoa | | - | | | 0 | 0 | |
| 3.3 | Nguyễn Thị Thơm | | - | | | 0 | 0 | |
| 3.4 | Nguyễn Thị Thảo | | - | | | 0 | 0 | |
| 3.5 | Nguyễn Đức Phúc | | - | | | 0 | 0 | |
| 3.6 | Nguyễn Đức Phan | | - | | | 0 | 0 | |
| 3.7 | Đặng Thị Diên | | - | | | 1.000 | 0,00015% | |

| Stt | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại Tổng công ty (nếu có) | Số CMTND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|------|--|--|------------------------------------|---------------------------------------|-----------------|----------------------------|-------------------------------|---------|
| 3.8 | Nguyễn Thị Nhài | | - | | | 0 | 0 | |
| 3.9 | Nguyễn Văn Vương | | - | | | 0 | 0 | |
| 3.10 | Nguyễn Thị Yên | | - | | | 900 | 0,00013% | |
| 3.11 | Nguyễn Thị Yên | | - | | | 700 | 0,00010% | |
| 3.12 | Nguyễn Văn Tuấn | | - | | | 600 | 0,00009% | |
| 3.13 | Nguyễn Thị Ái | | - | | | 0 | 0 | |
| 3.14 | Đình Xuân Tiêm | | - | | | 2.200 | 0,00032% | |
| 3.15 | Nguyễn Thị Nguyệt Ánh | | - | | | 1.600 | 0,00023% | |
| 3.16 | Trần Văn Tuấn | | - | | | 1.200 | 0,00018% | |
| 3.17 | Tô Đình Phan | | - | | | 0 | 0 | |
| 3.18 | Nguyễn Văn Trác | | - | | | 0 | 0 | |
| 3.19 | Phạm Thị Tư | | - | | | 0 | 0 | |
| | Tổ chức có liên quan đến NNB: | | | | | | | |
| 3.20 | Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) | | - | | | 677.808.500 | 99,27% | |
| 4 | Nguyễn Trung Thực | | Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc | | | 7.900 | 0,00116% | |
| 4.1 | Nguyễn Tất Nhâm | | - | | | 0 | 0 | |
| 4.2 | Lê Thị Lịch | | - | | | 0 | 0 | |
| 4.3 | Nguyễn Phương Hiền | | - | | | 1.000 | 0,00015% | |

| Stt | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại Tổng công ty (nếu có) | Số CMTND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|--------------------------------------|---|--|-----------------------------------|---------------------------------------|-----------------|----------------------------|-------------------------------|---------|
| 4.4 | Nguyễn Trung Hải | | - | | | 0 | 0 | |
| 4.5 | Nguyễn Trung Nguyên | | - | | | 0 | 0 | |
| 4.6 | Nguyễn Trung Thành | | - | | | 0 | 0 | |
| 4.7 | Nguyễn Kim Cương | | - | | | 0 | 0 | |
| 4.8 | Nguyễn Kim Oanh | | - | | | 0 | 0 | |
| 4.9 | Nguyễn Văn Chính | | - | | | 0 | 0 | |
| 4.10 | Nguyễn Văn Thảo | | - | | | 0 | 0 | |
| 4.11 | Nguyễn Thị Thu Hằng | | - | | | 0 | 0 | |
| 4.12 | Nguyễn Xuyên | | - | | | 0 | 0 | |
| 4.13 | Lê Thúy Hội | | - | | | 0 | 0 | |
| TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NNB: | | | | | | | | |
| 4.14 | Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) | | - | | | 677.808.500 | 99,27% | |
| 4.15 | Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV (CPC) - Chi nhánh của Tổng công ty Điện lực - TKV. | | - | | | 0 | 0 | |

| STT | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại Tổng công ty (nếu có) | Số CMTND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|------|----------------------|--|-----------------------------------|---------------------------------------|-----------------|----------------------------|-------------------------------|---------|
| 5 | Nguyễn Đức Thảo | | Thành viên HĐQT độc lập | | | 10.000 | 0,0015% | |
| 5.1 | Nguyễn Đức Như | | - | | | 0 | 0 | |
| 5.2 | Nguyễn Thị Cây | | - | | | 0 | 0 | |
| 5.3 | Nguyễn Đình Cao | | - | | | 0 | 0 | |
| 5.4 | Vũ Thị Kim Dung | | - | | | 0 | 0 | |
| 5.5 | Nguyễn Thị Bích Hoài | | - | | | 0 | 0 | |
| 5.6 | Nguyễn Đức Dũng | | - | | | 0 | 0 | |
| 5.7 | Nguyễn Đức Dương | | - | | | 0 | 0 | |
| 5.8 | Nguyễn Thị Thúy | | - | | | 0 | 0 | |
| 5.9 | Lê Thị Mai Huệ | | - | | | 0 | 0 | |
| 5.10 | Nguyễn Thị Thơm | | - | | | 0 | 0 | |
| 5.11 | Nguyễn Văn Kỳ | | - | | | 0 | 0 | |

| Stt | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại Tổng công ty (nếu có) | Số CMTND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú | |
|-----|---|--|-----------------------------------|---------------------------------------|-----------------|----------------------------|-------------------------------|---------|--|
| 6 | Phạm Xuân Phong | | Phó Tổng giám đốc | | | 21.800 | 0,0032% | | |
| 6.1 | Phạm Văn Thành | | - | | | 0 | 0 | | |
| 6.2 | Vũ Thị Thắng | | - | | | 0 | 0 | | |
| 6.3 | Vũ Thị Hồng Hạnh | | - | | | 0 | 0 | | |
| 6.4 | Phạm Thị Hồng Vân | | - | | | 0 | 0 | | |
| 6.5 | Phạm Gia Thái | | - | | | 0 | 0 | | |
| 6.6 | Phạm Thị Thủy | | - | | | 2.000 | 0,0003% | | |
| 6.7 | Phạm Thu Sơn | | Nhân viên | | | 0 | 0 | | |
| 6.8 | Phạm Thị Thủy | | - | | | | | | |
| | Tổ chức có liên quan đến NNB: | | | | | | | | |
| 6.9 | Công ty Cổ phần Than - Điện Nông Sơn - TKV (V.NSCP) | | Công ty con | | | 0 | 0 | | |
| 7 | Bùi Minh Tân | | Phó Tổng giám đốc | | | 10.800 | 0,0016% | | |
| 7.1 | Bùi Xuân Đức | | - | | | 0 | 0 | | |
| 7.2 | Đặng Thị Hà | | - | | | 0 | 0 | | |
| 7.3 | Doãn Phương Thảo | | - | | | 0 | 0 | | |
| 7.4 | Bùi Trí Dũng | | - | | | 0 | 0 | | |
| 7.5 | Bùi Thảo Nguyên | | - | | | 0 | 0 | | |
| 7.6 | Bùi Xuân Tiếp | | - | | | 0 | 0 | | |

| Stt | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại Tổng công ty (nếu có) | Số CMTND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|------|--|--|-----------------------------------|---------------------------------------|-----------------|----------------------------|-------------------------------|---------|
| 7.7 | Bùi Văn Trung | - | - | | | 0 | 0 | |
| 8 | Nghiêm Xuân Chiến | | Phó Tổng giám đốc | | | 23.200 | 0,0034% | |
| 8.1 | Nghiêm Xuân Thuyên | | - | | | 0 | 0 | |
| 8.2 | Trần Thị Đức | | - | | | 0 | 0 | |
| 8.3 | Nguyễn Thị Việt Hoa | | - | | | 0 | 0 | |
| 8.4 | Nghiêm Xuân Hưng | | - | | | 0 | 0 | |
| 8.5 | Nghiêm Thu Huyền | | - | | | 0 | 0 | |
| 8.6 | Nghiêm Thị Hương | | - | | | 0 | 0 | |
| 8.7 | Nghiêm Thị Liên | | - | | | 0 | 0 | |
| 8.8 | Nghiêm Xuân Mạnh | | - | | | 0 | 0 | |
| 8.9 | Nguyễn Văn Trung | | - | | | 0 | 0 | |
| 8.10 | Đặng Văn Thắng | | - | | | 0 | 0 | |
| 8.11 | Trần Thị Hồng | | - | | | 0 | 0 | |
| | Tổ chức có liên quan đến NNB: | | | | | | | |
| 8.12 | Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (HIND) | | Công ty liên kết | | | 0 | 0 | |
| 8.13 | Công ty Nhiệt điện Đông Triều - TKV - Chi nhánh của Tổng công ty Điện lực - TKV. | | - | | | 0 | 0 | |

| Stt | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại Tổng công ty (nếu có) | Số CMTND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|-----------|----------------------|--|-----------------------------------|---------------------------------------|-----------------|----------------------------|-------------------------------|---------|
| 9 | Đoàn Xuân Hiệu | | - | | | 0 | 0 | |
| 9.1 | Đoàn Xuân Nghĩa | | - | | | 0 | 0 | |
| 9.2 | Phạm Thị Mận | | - | | | 0 | 0 | |
| 9.3 | Nguyễn Thu Trang | | - | | | 0 | 0 | |
| 9.4 | Đoàn Quốc Anh | | - | | | 0 | 0 | |
| 9.5 | Đoàn Hà Vỹ | | - | | | 0 | 0 | |
| 9.6 | Đoàn Đức Minh | | - | | | 0 | 0 | |
| 9.7 | Đoàn Việt Hùng | | - | | | 0 | 0 | |
| 9.8 | Đàm Hương Yên | | - | | | 0 | 0 | |
| 9.9 | Đoàn Thị Ngọc Huệ | | - | | | 0 | 0 | |
| 9.10 | Phạm Thanh Nam | | - | | | 0 | 0 | |
| 9.11 | Đoàn Quang Huy | | - | | | 0 | 0 | |
| 9.12 | Lê Thị Phương | | - | | | 0 | 0 | |
| 9.13 | Nguyễn Tiến Chúc | | - | | | 0 | 0 | |
| 9.14 | Lê Thị Bằng | | - | | | 0 | 0 | |
| 10 | Nguyễn Thị Hà | | Nguyên Kế toán trưởng | | | 5.400 | 0,00079% | |
| 10.1 | Nguyễn Hữu Tùy | | - | | | 0 | 0 | |
| 10.2 | Trần Thị Sinh | | - | | | 0 | 0 | |
| 10.3 | Bùi Đức Song | | - | | | 0 | 0 | |
| 10.4 | Bùi Sơn Tùng | | - | | | 0 | 0 | |

| SĐT | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại Tổng công ty (nếu có) | Số CMTND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|-----------|---------------------------|--|-----------------------------------|---------------------------------------|-----------------|----------------------------|-------------------------------|---------|
| 10.5 | Bùi Xuân Bách | - | - | | | 0 | 0 | |
| 10.6 | Nguyễn Anh Sơn | - | - | | | 0 | 0 | |
| 10.7 | Nguyễn Thành Long | - | - | | | 0 | 0 | |
| 10.8 | Nguyễn Ngọc Lân | - | - | | | 0 | 0 | |
| 11 | Lưu Thị Minh Thanh | | Kế toán trưởng | | | 2.000 | 0,00029% | |
| 11.1 | Lưu Anh Tự | | - | | | 0 | 0 | |
| 11.2 | Lê Thị Niêm | | - | | | 5.000 | 0,00073% | |
| 11.3 | Nguyễn Quang Hưng | | - | | | 0 | 0 | |
| 11.4 | Nguyễn Thị Thanh Hà | | - | | | 0 | 0 | |
| 11.5 | Nguyễn Trí Hiếu | | - | | | 0 | 0 | |
| 11.6 | Lưu Thị Minh Nguyệt | | - | | | 5.000 | 0,00073% | |
| 11.7 | Nguyễn Xuân Trường | | - | | | 0 | 0 | |
| 11.8 | Lưu Thị Huyền | | - | | | 0 | 0 | |
| 11.9 | Nguyễn Thế Hải | | - | | | 0 | 0 | |
| 11.10 | Nguyễn Văn Khoa | - | - | | | 0 | 0 | |
| 11.11 | Trần Thị Liên | - | - | | | 0 | 0 | |
| 12 | Lê Ngọc Nam | | Trưởng Ban Kiểm soát | | | 12.300 | 0,0018% | |
| 12.1 | Lê Đình Lợi | | - | | | 0 | 0 | |
| 12.2 | Nguyễn Thị Ngoan | | - | | | 0 | 0 | |

| STT | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại Tổng công ty (nếu có) | Số CMTND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú | |
|-----------|--|--|---|---------------------------------------|-----------------|----------------------------|-------------------------------|---------|--|
| 12.3 | Nguyễn Thị Bích Vân | | - | | | 0 | 0 | | |
| 12.4 | Lê Kiều Linh | | - | | | 0 | 0 | | |
| 12.5 | Lê Anh Thái | | - | | | 0 | 0 | | |
| 12.6 | Lê Thị Hạnh | | - | | | 0 | 0 | | |
| 12.7 | Nguyễn Phi Sơn | | - | | | 0 | 0 | | |
| 12.8 | Nguyễn Đình Cường | | - | | | 0 | 0 | | |
| 12.9 | Phạm Thị Thúy | | - | | | 0 | 0 | | |
| | TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NNB: | | | | | | | | |
| 12.10 | Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) | | - | | | 677.808.500 | 99,27% | | |
| 13 | Bùi Thu Thái | | PTP Đầu tư, Thành viên Ban Kiểm soát | | | 2.700 | 0,0004% | | |
| 13.1 | Bùi Văn Hút | | - | | | 0 | 0 | | |
| 13.2 | Đình Thị Sáu | | - | | | 0 | 0 | | |
| 13.3 | Bùi Duy Dương | | - | | | 0 | 0 | | |
| 13.4 | Nguyễn Thị Thủy Dương | | - | | | 0 | 0 | | |

| STT | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại Tổng công ty (nếu có) | Số CMTND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|-------|--|--|---|---------------------------------------|-----------------|----------------------------|-------------------------------|---------|
| | Tổ chức có liên quan đến NNB: | | | | | | | |
| 13.5 | Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) | | - | | | 677.808.500 | 99,27% | |
| 14 | Đào Thị Hoàng Yến | | CV Phòng Kế hoạch, Thành viên Ban Kiểm soát | | | 0 | 0 | |
| 14.1 | Đào Duy Căn | | - | | | 0 | 0 | |
| 14.2 | Bùi Thị Lê | | - | | | 0 | 0 | |
| 14.3 | Phạm Thị Liễu | | - | | | 0 | 0 | |
| 14.4 | Đào Xuân Thắng | | - | | | 0 | 0 | |
| 14.5 | Nguyễn Thị Ánh Phượng | | - | | | 0 | 0 | |
| 14.6 | Đào Thị Minh Ngọc | | - | | | 0 | 0 | |
| 14.7 | Đào Duy Tùng | | - | | | 0 | 0 | |
| 14.8 | Thân Thị Tâm | | - | | | 0 | 0 | |
| 14.9 | Hoàng Thanh Phú | | - | | | 0 | 0 | |
| 14.10 | Nguyễn Thị Nga | | - | | | 0 | 0 | |
| 14.11 | Hoàng Việt Thanh | | - | | | 0 | 0 | |
| 14.12 | Hoàng Việt Ngân Anh | | - | | | 0 | 0 | |
| 14.13 | Hoàng Việt Minh Đức | | - | | | 0 | 0 | |

| STT | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại Tổng công ty (nếu có) | Số CMTND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|-------|--|--|--|---------------------------------------|-----------------|----------------------------|-------------------------------|---------|
| | Tổ chức có liên quan đến NNB: | | | | | | | |
| 14.14 | Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) | | - | | | 677.808.500 | 99,27% | |
| 15 | Ngô Văn Điện | | PTP Pháp chế - Thanh tra, Người phụ trách Kiểm toán nội bộ | | | 0 | 0 | |
| 15.1 | Ngô Cao Đài | | - | | | 0 | 0 | |
| 15.2 | Bùi Thị Hương | | - | | | 0 | 0 | |
| 15.3 | Ngô Văn Dương | | - | | | 0 | 0 | |
| 15.4 | Ngô Thị Hải | | - | | | 0 | 0 | |
| 15.5 | Ngô Văn Khải | | - | | | 0 | 0 | |
| 15.6 | Văn Đình Công | | - | | | 0 | 0 | |
| 15.7 | Lưu Thị Hà | | - | | | 0 | 0 | |
| 15.8 | Văn Thu Trang | | - | | | 0 | 0 | |
| 15.9 | Văn Thu Thủy | | - | | | 0 | 0 | |
| 15.10 | Trần Thị Huyền Trang | | - | | | 0 | 0 | |
| 15.11 | Ngô Minh Tùng | | - | | | 0 | 0 | |
| 15.12 | Ngô Văn Hoàng Bách | | - | | | 0 | 0 | |
| 15.13 | Ngô Văn Trung Thông | | - | | | 0 | 0 | |

| Stt | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại Tổng công ty (nếu có) | Số CMTND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|-------|---|--|---|---------------------------------------|-----------------|----------------------------|-------------------------------|---------|
| | Tổ chức có liên quan đến NNB: | | | | | | | |
| 15.14 | Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (QTP) | | Công ty liên kết | | | 0 | 0 | |
| 16 | Bùi Thị Huyền | | TV. Kiểm toán nội bộ, CV Phòng Pháp chế - Thanh tra | | | 5.800 | 0,00085% | |
| 16.1 | Bùi Ngọc Sơn | | - | | | 0 | 0 | |
| 16.2 | Vũ Thị Xoan | | - | | | 0 | 0 | |
| 16.3 | Nguyễn Văn Thiệp | | - | | | 0 | 0 | |
| 16.4 | Hoàng Thị Nga | | - | | | 0 | 0 | |
| 16.5 | Nguyễn Văn Hưng | | - | | | 0 | 0 | |
| 16.6 | Bùi Thị Quỳnh Trang | | - | | | 0 | 0 | |
| 16.7 | Nguyễn Quang Khải | | - | | | 0 | 0 | |
| 16.8 | Nguyễn Khánh Ngọc | | - | | | 0 | 0 | |
| 16.9 | Nguyễn Thúy Hồng | | - | | | 0 | 0 | |

| STT | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại Tổng công ty (nếu có) | Số CMTND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|------|---------------------|--|---|---------------------------------------|-----------------|----------------------------|-------------------------------|---------|
| 17 | Nguyễn Thế Hồng | Người phụ trách quản trị | Phó CVP, Thư ký HĐQT. Người được ủy quyền CBTT | | | 1.900 | 0,00028% | |
| 17.1 | Nguyễn Văn Sửu | | - | | | 0 | 0 | |
| 17.2 | Đào Thị Phương Lan | | - | | | 0 | 0 | |
| 17.3 | Nguyễn Văn Khê | | - | | | 0 | 0 | |
| 17.4 | Trịnh Thị Yến | | - | | | 0 | 0 | |
| 17.5 | Nguyễn Thị Thu Ngọc | | - | | | 0 | 0 | |
| 17.6 | Nguyễn Minh Dương | | - | | | 0 | 0 | |
| 17.7 | Nguyễn Minh Hà | | - | | | 0 | 0 | |
| 17.8 | Nguyễn Thế Phương | | - | | | 0 | 0 | |
| 17.9 | Trần Thị Hiếu Minh | | - | | | 0 | 0 | |
| 18 | Nguyễn Đức Hùng | Người phụ trách quản trị | Thư ký HĐQT, CV Phòng Đầu tư | | | 1.400 | 0,00021% | |
| 18.1 | Nguyễn Đức Hoàng | | - | | | 0 | 0 | |
| 18.2 | Nguyễn Thị Doan | | - | | | 0 | 0 | |
| 18.3 | Đỗ Đình Thơm | | - | | | 0 | 0 | |
| 18.4 | Đàm Thị Lâm | | - | | | 0 | 0 | |
| 18.5 | Đỗ Thị Ngân | | - | | | 0 | 0 | |

| STT | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại Tổng công ty (nếu có) | Số CMTND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|-------|-------------------|--|-----------------------------------|---------------------------------------|-----------------|----------------------------|-------------------------------|---------|
| 18.6 | Nguyễn Đức Hiếu | | - | | | 0 | 0 | |
| 18.7 | Nguyễn Ngọc Hà | | - | | | 0 | 0 | |
| 18.8 | Nguyễn Thu Hiền | | - | | | 0 | 0 | |
| 18.9 | Nguyễn Kiên Cường | | - | | | 0 | 0 | |
| 18.10 | Lưu Thị Mến | | - | | | 0 | 0 | |